

THÁI CỤC QUYỀN

Nguyễn Duy Chính

Tại các nước Tây Phương Thái Cực Quyền được coi như một môn thể thao dưỡng sinh thì người Việt chúng ta mỗi khi nghe tới Thái Cực Quyền lại thấy ẩn náu một vẻ huyền bí, mơ hồ mang màu thoát tục, hình dung ra một Trương Tam Phong, với nhân dáng uy nghi, tiêu sái mà Kim Dung đã vẽ ra trong tác phẩm Ý Thiên Đồ Long Ký. Điều đó cũng dễ hiểu vì rất nhiều người đã bị ảnh hưởng nặng nề của võ hiệp tiểu thuyết và chính những tác phẩm của Kim Dung đã đúc cho chúng ta những khuôn mẫu suy nghĩ, biến những nhân vật vốn dĩ chỉ là huyền thoại thành một con người của lịch sử. Sau đây là một vài đoạn ngắn viết về Trương Tam Phong dưới ngòi bút Kim Dung:

Trong ánh sáng mờ lung mờ ảo chàng thấy một người thân cao lưng rộng, bước chân ngưng trọng, chính là sư phụ. Trương Thúy Sơn náu mình sau cột, không dám cử động, nghĩ thầm phải quay về phòng ngay. Thế nhưng ắt là sư phụ sẽ hay biết, nếu bị tra hỏi, đành phải nói thực thì thế nào cũng bị trách mắng (Trương Thúy Sơn toan lên ra trừng trị những tiêu đầu của Long Môn tiêu cục).

Chỉ thấy Trương Tam Phong đi lại một hồi, ngừng đầu ngẫm nghĩ, bỗng nhiên đưa tay phải, tại không trung làm bút viết lên thành chữ. Trương Tam Phong cả vẫn lẫn võ đều thông, ngâm thơ viết chữ, học trò đều biết nên cũng không lấy làm lạ. Chàng theo dõi nét bút ở tay, hóa ra ông viết đi viết lại mấy lần hai chữ “tang loạn”, rồi lại viết hai chữ “đồ độc”. Trương Thúy Sơn trong lòng rung động, nghĩ thầm:

- *Sư phụ trong lòng đang nghĩ đến “Tang Loạn Thiếp”.*

Chàng có ngoại hiệu là “Ngân Câu Thiết Hoạch”, vốn bởi tay trái sử dụng hồ đầu câu bạc vụn, tay phải sử dụng quan bút thép ròng mà ra. Từ khi mang cái tên đó rồi, Thúy Sơn e ngại danh quá kỳ thực, sợ giới văn nhân chê cười, nên tiếm tâm học phép viết chữ, chân thảo triện lệ, loại nào cũng tập. Khi đó chàng thấy sư phụ dùng ngón tay làm bút, đạt đến tình trạng “không nét nào duỗi ra mà không thu vào, không nét nào đi ra mà không quay lại” chính là bút ý của Vương Hi Chi trong Tang Loạn Thiếp.

Tang Loạn Thiếp hai năm trước chàng đã tập qua, biết là nét bút túng dật, mạnh mẽ chắc nịch nhưng không bằng được nét chữ trang nghiêm cẩn thận, khí tượng vững vàng trong “Lan Đình Thi Tự Thiếp”, hay “Thập Thất Thiếp”. Lúc này, chàng thấy sư phụ đưa tay viết liên tiếp: “Hi Chi đồn thủ, tang loạn chi cực, tiên mộ tái ly đồ độc, truy duy khát thậm” mười tám chữ, mỗi nét, mỗi chữ đều tràn đầy uất hận, bi phẫn, nên bỗng cảm thông được tâm tình Vương Hi Chi khi viết “Tang Loạn Thiếp”.

Trương Tam Phong viết đi viết lại mấy lần, bỗng thờ dài một tiếng, bước tới giữa sân, đứng trầm ngâm một hồi rồi đưa ngón tay, lại bắt đầu viết chữ. Lần này cách viết chữ hoàn toàn khác hẳn. Trương Thúy Sơn theo nét bút thì thấy chữ đầu tiên là chữ “võ”, rồi đến chữ “lâm”, tiếp tục hai mươi bốn chữ chính là câu người thường truyền tụng “Võ lâm chí tôn, bảo đao Đồ Long. Hiệu lệnh thiên hạ, mạc cảm bất tông. Ý Thiên bất xuất, thù dữ tranh phong?” Dường như Trương Tam Phong đang tìm cách suy nghĩ cho ra thâm ý của hai mươi bốn chữ này để biết vì có gì Du Đại Nham bị thương? Việc này có liên hệ gì đến hai món thần binh lợi khí là đao Đồ Long và kiếm Ý Thiên?



Chỉ thấy ông viết một lần hai mươi bốn chữ rồi viết lại lần nữa, nét bút mỗi lúc một dài, nhưng đưa tay mỗi lúc một chậm, đến về sau ngang dọc, đóng mở, chẳng khác gì thi triển quyền cước. Trương Thúy Sơn ngưng thần theo dõi, trong lòng vừa mừng vừa sợ, hai mươi bốn chữ mà sư phụ vừa viết kia hóa ra là một pho võ công thật cao minh, mỗi chữ bao gồm nhiều chiêu, mỗi chiêu lại bao gồm nhiều cách biến hóa. Chữ long và chữ phong nhiều nét, chữ đao, chữ hạ ít nét. Thế nhưng nhiều nét mà không rườm rà, ít nét cũng không thô lậu, lúc thu vào thì ngưng trọng như con sâu co mình, lúc bung ra thì nhanh nhẹn như con thỏ vượt chạy, lâm ly sáng khoái, nét thì cương kiện hùng hồn, nét thì phóng dật vi vu, nét nhẹ nhàng như tuyết rơi lả tả, nét hậu trọng nặng nề như voi đi, uy nghi như hổ bước.

Trương Thúy Sơn sau phút giây thăng thốt, vội định thần chú tâm ghi nhớ. Hai mươi bốn chữ đó bao gồm hai chữ bắt, hai chữ thiên, thế nhưng những chữ đó viết ra hình giống nhau mà ý thì không đồng, khí tượng giống mà thần thì không giống, biến hóa ảo diệu, quả thật là một công trình. (Kim Dung, Ý Thiên Đồ Long Ký, Minh Hà Xã, Hongkong 1976 tr.127-129)

Cũng dưới bút pháp của Kim Dung, ông mô tả lần đầu tiên Trương Tam Phong thi diễn Thái Cực Quyền để truyền lại cho đệ tử:

Trương Tam Phong từ từ đứng dậy, hay tay buông thõng, lưng bàn tay hướng ra ngoài, ngón tay để tự nhiên, hai chân dang ra ngang nhau, kế đến hai cánh tay từ từ đưa lên đến ngang ngực thì tay trái ôm thành hình bán nguyệt, lòng bàn tay úp thành âm chưởng, tay phải lật lên thành dương chưởng, nói:

- Đây là thế khởi đầu của Thái Cực Quyền.

Rồi tiếp tục từng chiêu, từng thức diễn ra một lượt, miệng đọc các tên thế: Lâm Tước Vĩ, Đơn Tiên, Đề Thủ Thượng Thế, Bạch Hạc Lượng Xí, Lâu Tất Câu Bộ, Thủ Huy Tì Bà, Tiến Bộ Ban Lan Truy, Như Phong Tự Bế, Thập Tự Thủ, Bảo Hồ Qui Sơn ...

Trương Vô Kỵ ngưng thần nhìn không nháy mắt, lúc đầu tưởng là thái sư phụ cố ý đem từng thức diễn thật chậm, cốt để cho Du Đại Nham nhìn cho rõ ràng, nhưng đến chiêu thứ bảy “Thủ Huy Tì Bà”, chỉ thấy ông tay trái dương chưởng, tay phải âm chưởng, mắt chăm chú nhìn cánh tay bên trái, hay tay từ từ hợp lại, xem tưởng ngưng trọng như núi, lại tựa nhẹ nhàng như lông. Trương Vô Kỵ đột nhiên tỉnh ngộ:

- Đây là một loại võ công thượng thừa lấy chậm chống với nhanh, lấy tĩnh chế động, không ngờ là trên thế gian này lại có một loại công phu cao minh đến thế.

Chàng vốn dĩ võ công cực cao, một khi đã lãnh hội, càng xem càng thêm nhập thần. Chỉ thấy Trương Tam Phong hai tay ôm thành hình vòng tròn, chiêu nào cũng hàm ý âm dương biến hóa, tinh vi ảo diệu, quả thực mở ra một khung trời mới cho võ học.

Ước chừng ăn xong một bữa cơm, Trương Tam Phong sử đến thượng bộ Cao Thám Mã, thượng bộ Lâm Tước Vĩ, Đơn Tiên rồi hợp trở lại thái cực. Ông đứng yên thần định khí nhàn, tuy mới bị trọng thương mà luyện xong quyền pháp, tinh thần xem ra lại sung vượng hơn. Trương Tam Phong hai tay ôm vòng thành thức thái cực, nói:

- Quyết khiếu của môn quyền pháp này là mười sáu chữ "hư linh đỉnh kinh, hàm hung bạt bối, tưng yêu thùy đồn, trâm kiên trụ trụ". Thuần lấy ý mà đi quyền, tối kỵ dùng sức, hình thần hợp nhất, đó chính là yếu chỉ của quyền pháp. (Kim Dung tr. 963-964)

Theo nhiều nhà nghiên cứu về văn minh Trung Hoa, võ thuật, khí công và nhiều ngành khác đều có chung một nguồn gốc, mỗi ngành là một chi lưu nhưng đều đem phương pháp lý luận âm dương ngũ hành khai triển mà thành. Tuy những biến chuyển đó đồng bộ với tiến triển xã hội, nhưng con người thích đặt ra những tổ sư để một phần huyền thoại hóa ngành của mình, phần khác gán cho những tính lý kỳ ngộ hậu gia tăng giá trị và xóa nhòa những chỗ không rõ nét. Vì thế khi nghiên cứu về lý học người ta có Trần Đoàn, nghiên cứu về y học có Thần Nông, Hoàng Đế, còn nghiên cứu về võ thuật không thể không biết đến nhà sư Đạt Ma hay đạo sĩ Trương Quân Bảo. Tuy nhiên, một khi loại trừ được những chi tiết huyền bí, và nhất là nhìn được vấn đề một cách tinh táo hơn, chúng ta sẽ thấy rằng mọi ngành đều có những liên quan mật thiết với đời sống, và đều là sản phẩm đóng góp của rất nhiều người, rất nhiều đời và biến cải theo thời gian cho phù hợp với hoàn cảnh. Có như thế, chúng ta mới không bị trói mình vào những kỳ kinh, bảo cấp, chân truyền, chính thống đã giam hãm con người vào những định đề cứng nhắc thay vì linh hoạt và biến hóa. Trong thiên khảo luận này, chúng tôi nhìn môn Thái Cực Quyền coi đó như một sản phẩm sống chứ không câu chấp vào môn phái hay quyền thức. Thái Cực Quyền sẽ được nhìn như một sản phẩm của nền văn hóa Trung Hoa, một trong những kết quả mà con người đã tạo ra được qua một quá trình lâu dài.

Theo sử sách, khởi nguyên của Thái Cực Quyền không có gì rõ ràng nhưng phần lớn đều đồng ý là môn võ này phát xuất từ lâu, biến chuyển và tu bổ từ đời này sang đời khác chứ không phải của riêng một ai. Khởi nguyên của Thái Cực Quyền có lẽ từ những động tác thể dục để làm cho thân thể khỏe mạnh, rồi chính những động tác đó được dung nạp, trộn lẫn trong nền văn minh Trung Hoa để phát triển thành những ngành như khí công, võ thuật với những mục đích khác nhau.

Cứ theo lịch sử Tàu, những chi tiết có liên quan đến võ thuật xuất hiện vào thời Chiến Quốc (475-221 TTL). Thời đó có những hiệp khách, sống bằng sức khỏe và thanh gươm, là một loại "lính đánh thuê" thường đi từ nước này sang nước khác, để tìm một vương tôn, phú hộ thu nạp làm môn khách. Thích Khách Liệt Truyện trong Sử Ký viết về những người này dường như có biết võ nghệ, nhưng chưa được hệ thống thành môn phái mà phần nhiều do kinh nghiệm chiến đấu bản thân. Có lẽ giai đoạn đó quan niệm trọng văn khinh võ còn nặng nên không ai lưu tâm đến võ nghệ, nhất là việc ghi chép còn rất giới hạn nên chỉ ghi lại những gì hết sức thiết yếu.

Đến thời Tần (221-207 TTL) và thời Hán (206 TTL – 220 STL), xã hội cũng vẫn đặt nặng những mô thức hành chánh, tư tưởng, triết học mà chưa coi võ làm trọng. Sách vở thời kỳ này cũng không thấy đề cập đến nhiều mặc dầu đã có nhiều người nghiên cứu về binh bị, chiến thuật chiến lược nhưng không phải là luyện tập cá nhân mà là tập thể. Tuy thời kỳ này người ta việc đúc binh khí đã tiến bộ nhưng việc dùng các binh khí đó sao cho hữu hiệu lại chưa đặt ra. Sử chép rằng Kinh Kha khi mưu toan hành thích Tần vương đã giấu một con dao Chủy Thủ (loại gươm ngắn, tương tự như dao găm) trong cuộn địa đồ, để khi dâng bản đồ được đến gần Tần vương, mở ra dùng dao đâm. Thế nhưng Kinh Kha lại đâm trượt. Tần vương có đeo kiếm nhưng lại không rút được, nên hai người cứ đuổi nhau chạy vòng quanh cây cột. Nhờ có kẻ đứng hầu nhắc Tần vương quàng tay ra sau lưng rút kiếm, nên đã đâm chết Kinh Kha. Người ta cho rằng hoặc Kinh Kha không giỏi võ, cũng không nhanh nhẹn nên không giết nổi Tần vương. Còn chuyện

thứ hai là chuyện Chuyên Chư dẫu dao trong bụng con cá, nấu dâng lên Vương Liêu, nhân đó rút dao đâm chết Vương Liêu. Sau đó chính Chuyên Chư cũng bị vệ sĩ của Vương Liêu giết chết. Xét như thế, việc tập luyện võ thuật có lẽ thời đó chưa phổ biến mặc dù đã chế tạo được nhiều loại binh khí. Theo sách vở, thời đó kỹ thuật luyện kim đã khá cao, người ta đã đúc được nhiều bảo kiếm có tên Thái A, Trạm Lư, Ngư Trường ... Nhiều huyền thoại về đúc kiếm cũng được ghi chép trong sách vở, chẳng hạn như chuyện vợ Can Tương là Mạc Tà phải nhảy vào lò thì kim khí mới dung hợp để tạo thành bảo kiếm.

Những động tác có tính thể dục đầu tiên được ghi nhận từ thời Tam Quốc (khoảng 220-265 TL) do Hoa Đà, một y sư danh tiếng không những giỏi y lý mà còn về các động tác thể dục. Tương truyền ông sáng tạo ra những động tác tập luyện dựa theo năm loài vật gọi là Ngũ Cầm Hí – hổ, hươu, gấu, khỉ và chim – dạy cho học trò để thân thể khỏe mạnh và sống lâu. Chính những động tác này là căn nguyên của võ học.

Đến thời nhà Lương (502-557), có một nhà sư tên là Đạt Ma từ bên Thiên Trúc qua bên Tàu truyền đạo. Vua nhà Lương vời ông đến nhưng ông từ chối, rồi sang chùa Thiếu Lâm ở trên núi Tung Sơn, tỉnh Hà Nam tu hành, quay mặt vào vách đá chín năm liền. Ông mất năm Đại Đồng nguyên niên (535 sau TL). Khi còn sống, Đạt Ma sợ các học trò của mình mệt mỏi, trở nản nên dạy cho họ một số quyền pháp, đó là khởi thủy của võ Thiếu Lâm. Đây cũng là khởi đầu của những môn tập luyện có mục đích chiến đấu không phải theo hàng ngũ tập thể như trong quân đội hay trận đồ. Võ Thiếu Lâm về sau lan rộng khắp nơi, biến chuyển theo từng nơi từng vùng và phân ra thành hàng trăm môn phái. Tựu trung người phương Nam Trung Hoa thích dùng quyền (tay) - có lẽ vì miền nam nhiều sông ngòi, người ta phải luyện võ ngay trên thuyền nên phải tìm cách khai thác cái sở đoản chật hẹp - còn người miền Bắc lại thích dùng cước (chân) vì miền bắc nhiều thảo nguyên rộng rãi, đi ngựa nhiều. Nam quyền Bắc cước chính là vì thế. Tuy nhiên vì cùng từ võ Thiếu Lâm mà ra, cả hai bên đều trọng cương mãnh, có tính chất công phá hay ngoại công.

Sở dĩ đặt tên ngoại công vì về sau một nhánh khác có chủ trương ngược lại được mệnh danh là nội công. Cứ theo sách vở thì hai phần nội công, ngoại công được phân ra đầu tiên chỉ mới xuất hiện vào đời Thanh do Hoàng Lê Châu đề trên mộ bia Vương Chính Nam (sống cuối đời Minh). Trên bia có đoạn như sau: “*Quyền thuật phái Thiếu Lâm đã nổi danh trên toàn quốc, chủ yếu là tấn công người ta nhưng cũng có thể bị người tấn công trả lại. Cũng có một phái gọi là nội gia quyền, lấy tĩnh chế động, khiến cho người tấn công vừa chạm tay là ngã. Vì thế gọi Thiếu Lâm là ngoại gia. Người sáng thủy ra nội gia sống vào đời Tống tên gọi Trương Tam Phong*”.¹ Cứ như thế người ta thấy rằng phân ra nội gia, ngoại gia là sau khi Thái Cực Quyền đã bắt đầu. Cũng trên bia đó, có một đoạn khác viết: “*Thuật của Tam Phong, hơn một trăm năm sau, truyền vào Thiểm Tây, mà Vương Tông là người nổi danh nhất*”. Vương Tông sống vào đời Tống, và như thế Trương Tam Phong được coi là người sáng tạo ra Thái Cực Quyền.

Đời Hậu Lương (907-923), một người đất An Huy tên Trình Linh Tảo học được từ thầy là Hàn Cung Nguyệt môn Thái Cực Công gồm 14 thức, tên và động tác còn truyền đến tận ngày nay. Có thể nói đây là hình thức đầu tiên của Thái Cực Quyền. Trình Linh Tảo sáng tác “Quan

¹ Thiếu Lâm dĩ quyền dũng danh thiên hạ, nhiên chủ ư bác nhân, nhân diệc đắc nhi thừa chi. Hữu sở vị nội gia, dĩ tĩnh chế động, phạm giả ứng thủ tắc đảo, cố biệt Thiếu Lâm vi ngoại gia. Nội gia cái khởi ư Tống chi Trương Tam Phong.

Kinh Ngộ Hội Pháp”, trong có viết :*Nếu không hiểu Dịch Kinh thì không thể thông suốt Thái Cực Quyền. Chỉ một cuốn Kinh Dịch ngày đêm nghiền ngẫm, vượt lên trên mọi tượng, quái để đi sâu vào vòng trong, hiểu được cái chỗ vi diệu mà người khác không hiểu được (thì sẽ thông được Thái Cực Quyền).* Trình Linh Tẩy gọi thập tứ thức Thái Cực Công là Thái Cực Quyền, có thể coi như khởi nguyên của ba chữ này là ở đây. Họ Trình cũng là người đầu tiên đem Kinh Dịch gắn liền với Thái Cực Quyền, cũng là người đưa quyền thuật lên một mức độ cao và gắn liền với đạo dưỡng sinh, gán cho những động tác một ý nghĩa.

Tới đời nhà Đường (618-907), một ẩn sĩ tên Hứa Tuyên Bình, ở tại huyện Nam Dương, Hà Nam, thân thể cao lớn, râu dài tới bụng, tóc chấm gót chân, chạy nhanh như ngựa. Ông ta thường mang củi ra chợ bán, vừa đi vừa ngâm:

Sáng vác củi đi bán,

Chiều mua rượu đem về.

Ai hỏi nhà đâu tá,

Xuyên mây, núi là quê.

(Phụ tân triều xuất mãi,

Cô tửu nhật tịch qui.

Nhược vấn gia hà xứ,

Xuyên vân nhập thúy vi.)

Nhà thơ Lý Bạch đã từng đến tìm ông nhưng không gặp. Thầy của Hứa Tuyên Bình là Hoan Tử, học được Thái Cực Công bao gồm 37 thức, những tên thức so với tên trong Thái Cực Quyền ngày hôm nay không khác bao nhiêu. Ba mươi bảy thức đó còn gọi là Trường Quyền, vì khi diễn tập thao thao bất tuyệt như nước chảy trên Trường Giang. Phương pháp luyện thì cứ luyện thuần thục một thức rồi mới luyện sang thức khác, các thức cũng không có một thứ tự nhất định, mà tùy ý. Tất cả luyện xong sẽ liên lạc với nhau như một chuỗi.

Lại còn một người khác tên là Lý Đạo Tử, người đất An Khánh, tỉnh An Huy, cùng thời với Hứa Tuyên Bình. Ông này đã từng đến núi Võ Dương, tu tại Nam Nhạc. Họ Lý luyện Thái Cực Công, còn có tên là Tiên Thiên Quyền Trường Quyền, cũng gần giống như ba mươi bảy thức ở trên. Lý Đạo Tử không ăn cơm, mỗi ngày chỉ ăn một ít cám nên người ta gọi là Phu Tử Lý (ông Lý ăn cám).

Tuy đời Đường chưa có tên Thái Cực Quyền nhưng cứ theo quyền pháp của hai người này thì chúng ta có thể tin rằng ý niệm và hình thức đã manh nha.

Đến đời Tống, Thái Cực Quyền cũng được lưu truyền. Những người nổi danh hơn cả là Hồ Kính Tử, Trọng Thù, Ân Lợi Hanh. Quyền pháp của những người này được gọi là “Hậu Thiên Quyền”, bao gồm 17 thức, nhưng chỉ có ba thức là chương pháp quyền pháp, còn lại là dùng cùi chỏ. Trừu pháp (phép dùng cùi chỏ) dùng để đánh gần, phòng ngừa địch nhân ôm nắm cũng là một trong những phát triển đáng kể của Thái Cực Quyền.

Qua đời Nguyên (1268-1368), nước Tàu dưới quyền cai trị của người Mông Cổ. Trong suốt thời gian này, chỉ thấy có ở tỉnh Thiểm Tây, đất Tây An một người tên là Vương Tông Danh học được Thái Cực Công. Về sau có một người khác là Trần Châu Đồng, tỉnh Triết Giang, Ôn Châu đến học họ Vương.

Cuối đời Tống, một nhân vật thần kỳ mà người sau cho là sáng tổ của Thái Cực Quyền, một nhân vật giống như huyền thoại mà ngay từ đầu chúng tôi đã đề cập đến. Đó là đạo sĩ Trương Tam Phong của phái Võ Đương.

Trương Tam Phong không ai biết rõ sinh năm nào, chết năm nào nhưng cứ như những dật sự còn truyền ông sống đến hơn 120 tuổi, và cũng chính là người sáng tạo ra Thái Cực Quyền.

Trong mục Phương Kỹ Truyện của Minh Sử, Trương Tam Phong truyện ghi chép như sau:

Trương Tam Phong người đất Liêu Đông, Ý Châu, tên là Toàn Nhất, tự là Quân Bảo, hiệu là Tam Phong. Ông thân hình cao lớn, tướng như rùa, lưng như hạc, mắt tròn, tai to, râu cứng như kích, mùa hè mùa đông cũng chỉ mặc một bộ quần áo cũ. Ông ăn mỗi lần cả thùng gạo nhưng có khi mấy ngày mới ăn một lần, có khi mấy tháng không ăn. Sách chỉ đọc qua là nhớ. Lúc đầu ông tu tại Kim Đài Quan, núi Bảo Khê, sau qua Thục rồi Sở. Đầu đời Minh ông lên núi Võ Đương, tiếng tăm cũng khá lớn, ảnh hưởng đến cả trong triều ngoài nội. Ông ngao du không biết đâu mà kể, một ngày đi cả ngàn dặm. Khi ông đến núi Võ Đương, nói với người ta rằng: Núi này ngày sau ắt sẽ hưng thịnh. Vào thời binh lửa, các núi Ngũ Long, Nam Nham, Tử Tiêu đều bị phá hủy, ông cùng các đồ đệ phải sống trong bụi cây, gai góc.

Vua Thái Tổ nghe tiếng ông, năm Hồng Võ thứ hai mươi bốn, cho sứ đến vời mấy lần nhưng không gặp được. Năm Vĩnh Lạc nguyên niên, vua Thành Tổ lại sai sứ đi tìm mấy bận, trong tờ chiếu “*Tứ Trương Tam Phong thư*” có viết: “*Hoàng Đế kính phụng thư chân tiên Trương Tam Phong tiên sinh túc hạ: Trẫm đã ngưỡng mộ chân tiên từ lâu, nên mong mỗi được gặp ngài, nên thường sai người mang thư, đi khắp các danh sơn để mời về triều. Chân tiên đạo đức cao cả, sống hơn hẳn mọi người, hợp với tự nhiên, thần diệu không sao đo lường được. Trẫm vì tài mạo tầm thường, đức hạnh lại mỏng, nên chỉ biết lấy tấm lòng thành, ngày đêm mong nhớ, nên lại sai sứ đem thư này đến Hương Phụng, mong mây gió đưa được đến ngài, để tỏ được tấm lòng trẫm ngưỡng mộ*”.

Thấy tấm lòng cầu tiên của vua nhà Minh thành khẩn như thế, ở ngôi vị chí tôn mà mấy lần phải hạ mình nhưng Trương Tam Phong vẫn nhất định không gặp, chỉ đề một bài thơ tại vách đá phía nam núi Võ Đương, mấy câu cuối như sau:

Tam Phong ẩn giả thùy năng tầm,
Cửu thất vân nhai thâm cánh thâm.
Huyền viên bạn ngã tiêu sinh lự,
Bạch hạc y nhân dẫn đạo tâm.
Tiểu bả hoàng quan xu phú quý,
Tịnh vô nhất giới thị tri âm.
(*Tam Phong đổ ai tìm,
Mây nổi chín từng thâm.
Vượn đen là bầu bạn,
Hạc trắng nuôi đạo tâm,
Cười khinh danh với lợi,
Nào đâu kẻ tri âm*)

Năm Vĩnh Lạc thứ mười lăm, Minh Thành Tổ lại sai Công Bộ Thị Lang Quách Tấn, Long Bình Hầu Trương Tín đôn đốc trên ba mươi vạn phu phen, phí tổn hàng trăm vạn quan tiền để xây đạo quan trên núi Võ Đương, cả thảy hai trăm chín mươi gian đặt tên là “Ngộ Chân Cung”, lại ban cho núi này là Thái Hòa Thái Nhạc sơn. Tất cả mất 13 năm mới xong, bao gồm 8 cung, 2 miếu, 36 đạo quan, 72 sơn miếu, và hàng trăm cầu, cổng vòm, lương đình, am ... Núi Võ Đương trở thành một trong những thánh địa của đạo gia. Hiện nay vẫn còn tượng Trương Tam Phong bằng đồng mạ vàng, thần thái tiêu nhiên, đầu đội nón lá, chân đi giày cỏ, coi như một bậc thần tiên, là một di tích đáng kể của đời Minh.

Cứ theo sử sách, Trương Tam Phong là một đạo sĩ giỏi võ thuật. Sách Đạo Thống Nguyên Lưu chép là ông “*hiếu đạo thiện kiếm*” (thích học đạo, giỏi đánh kiếm), phái Võ Đương cũng còn có tên là Tam Phong Phái, cũng lại có tên là Liệt Thập Phái (phái nhếch nhác, có lẽ vì Trương Tam Phong vốn ăn mặc lôi thôi, dơ bẩn nên có tên như thế). Tới thời gần đây, nhiều học giả khác cũng đã khởi công đi tìm di tích về Trương Tam Phong, tìm kiếm trong các hang động của núi Võ Đương để xem ông thuộc đời nào thì thấy phù hợp với những điều chép trong Minh sử. Tại chân núi Võ Đương có một cổng vòm bằng đá có tên Huyền Nhạc, đi qua khỏi vòm đá này thì tới Ngộ Chân cung, chính là nơi Trương Tam Phong tu đạo thời Vĩnh Lạc. Dân chúng trong vùng cũng còn truyền lại nhiều sự tích về ông, nhất là những truyện hiệp nghĩa, cứu khổ phò nguy.

Ngoài Trương Tam Phong đời Tống và đời Minh, nhiều sách khác cũng có ghi truyện tích về Trương Tam Phong. Có sách chép ông sống đời Kim mạt, Nguyên sơ, học cùng thầy với Lưu Bình Trung, sau đến Thái Thanh cung ở Lộc Ấp học đạo. Vua Anh Tông có ban cho danh hiệu Thông Vi Linh Hóa Chân Nhân năm Thiên Thuận thứ ba, nhưng không biết có thật hay không.

Sách Huyện chí của huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây cũng có chép một truyện khác về Trương Tam Phong nhưng hơi thần hóa, nói ông có thể phân thân, chết đi sống lại. Năm 1933, đời Dân Quốc, một nhóm khảo sát đã tới vùng bắc tỉnh Thái Nguyên, huyện Dương Khúc để truy tìm tung tích Trương Tam Phong. Dân vùng đó cho hay ở tây nam huyện, nơi tây bắc Lan Thôn có núi, đi sâu vào khoảng chục dặm trên đỉnh núi có Huyền Nham động, trong động có tượng Trương Tam Phong. Khi phái đoàn đó đến động thì không thấy tượng nhưng có tìm được một tấm bia đá đã mòn, khi cạo rửa còn đọc được hàng chữ “*Đời Gia Tĩnh, Trương Tam Phong đã từng tu đạo nơi đây*”.

Núi Võ Đương vốn không phải chỉ là một ngọn núi mà là một quần sơn bao gồm cả thảy 72 ngọn, với tổng số diện tích lên đến 77 dặm vuông trong tỉnh Hồ Bắc. Vì hẻo lánh và tĩnh mịch như thế, rất ít ai đặt chân tới. Theo những nghiêm luật do chính những đạo sĩ đặt ra, gần như họ không cho ai, ngoài người trong môn phái họ được tới đây nghiên cứu. Từ những di tích còn sót lại, những đền miếu ở đây có từ thời nhà Đường, hiện nay còn tồn tại là 46 đạo quan lớn và 72 am nhỏ.

Võ Đương được liệt vào một trong 72 phúc địa của Trung Hoa, thoát đầu có tên là Tiên Thất sơn, ngọn cao nhất là Thiên Trụ Phong. Đến đời Vĩnh Lạc nhà Minh, Chân Võ (một vị thần trong Đạo giáo thờ tại đây) được nâng lên hàng Đế, vì thế cải danh thành Thái Nhạc hay Huyền Nhạc. Thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa, Chu Ân Lai đã phải cử quân đội đến bảo vệ khu vực Võ Đương nên nhờ đó đã ngăn được đám Hồng Vệ Binh không phá hủy. Hiện nay, núi Võ Đương là một trong những thắng tích của Trung Hoa được UNESCO giúp trùng tu và liệt vào những khu vực văn hóa thế giới. Gần đây, nhà cầm quyền Trung Hoa đã kiến tạo nhiều cao ốc, trang bị những tiện nghi để du khách có thể đến thăm các nơi mà trước đây coi là cấm địa như Tử Tiêu

Cung, Ngọc Hư Điện, Triều Thiên Cung, Nguyên Hòa Quan ... Trên núi Võ Đương, những đạo sĩ vẫn tập những môn võ công bí truyền và tu luyện theo đường lối truyền lại mấy trăm năm qua.. Kiếm pháp là môn được coi như quan trọng và đặc sắc nhất, ngoài luyện tập cá nhân, họ còn tiếp tục rèn luyện kiếm trận, theo biến hóa của bát quái, âm dương, không giống như Thái Cực Kiếm mà ta thấy lưu hành ở bên ngoài. Những công phu quyền cước cũng khác, tuy cũng là đạo gia nhưng nặng về luyện khí và gần như khác hẳn phương pháp đi quyền nhẹ nhàng chậm rãi của Thái Cực Quyền đang phổ biến khắp mọi nơi. (*A Taoist Sanctuary: Wudang Mountain, China*, May 1999 HK China Tourism Press, HK)

Như trên đã thuật, sử chép tới hai người cùng tên Trương Tam Phong, một người vào thời Bắc Tống, một người thời Minh sơ, không biết ai là người khai sáng ra Thái Cực Quyền. Tuy nhiên, tất cả những môn phái nội gia quyền thuật đều có liên quan đến âm dương, ngũ hành, đều từ các đạo sĩ lấy ý của Đạo Đức Kinh “vô vi vô bất vi”, và “*nhu nhược thắng cương cường*” mà ra. Ngoài ra, nhiều người khác lại cho rằng Trương Tam Phong chỉ là một nhân vật tưởng tượng không có thật, những điều sách vở chép không có gì xác đáng. Hoặc giả nếu có thực, ông cũng không phải là người sáng tạo ra Thái Cực Quyền mà chỉ biến cải một số động tác và qui tắc của võ Thiếu Lâm thành một môn phái mới. Những kỹ thuật về Thái Cực Quyền chỉ mới được hình thành một cách qui mô do những quyền gia, đạo sĩ vào đời Thanh. Theo sách “*Nội Gia quyền*” của Hoàng Bách Gia đời Thanh, thì “*Những môn ngoại gia thì võ Thiếu Lâm là tinh vi hơn hết. Trương Tam Phong vốn tinh thông võ Thiếu Lâm, nên từ đó biến cải mà hình thành nội gia quyền*”. Theo sách “*Thiếu Lâm Quyền bí quyết*” của Tề Chủ thì “*Trương Toàn Nhất, tự Quân Bảo, là bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu trong võ thuật, tinh thông môn Thiếu Lâm. Về sau đi khắp Tứ Xuyên, Hồ Nam, Hồ Bắc, kỹ thuật càng tiến, không những giỏi võ Thiếu Lâm mà còn tinh thông cả khí công nữa. Về cuối đời, ông phát minh ra Thất Thập Nhị Điểm Huyệt Thuật, nên quyền pháp Thiếu Lâm đến họ Trương thì biến cải. Phương pháp điểm huyệt của họ Trương học từ đạo gia Phùng Nhất Nguyên vốn chỉ bao gồm ba mươi sáu chiêu*”.

Theo những nhà nghiên cứu, Trương Tam Phong đã biến đổi một nguyên tắc hết sức quan trọng trong quyền thuật. Trước đây, người luyện võ thuần dùng sức hậu thiên, nghĩa là sức khỏe do công phu của bắp thịt và các động năng cơ thể để phát chiêu, lấy sức mạnh thắng sức mạnh, lấy nhanh thắng chậm, lấy tinh vi chế ngự giản dị, vung về. Ông là người đầu tiên dùng lý của kinh Dịch, chủ yếu phát triển khí tiên thiên, từ thái cực biến sang bát quái, mọi động tác đều dựa vào khí tiên thiên, đạt thành công phu luyện khí hóa thần, đưa ra những nguyên tắc hoàn toàn ngược lại, lấy yếu chống mạnh, lấy mềm chống cứng.

Cứ như thế, môn võ mà Trương Tam Phong sáng tạo chưa phải là Thái Cực Quyền mà chỉ là căn bản của Thái Cực Công, làm nền tảng cho người luyện Thái Cực Quyền mà thôi. Từ căn bản đó, hậu nhân đã sáng tạo nhiều môn phái nhưng tựu trung đều gắn liền với thuật dưỡng sinh của đạo gia, chúng ta có thể kể Thái Cực Quyền, Bát Quái Quyền, Hình Ý Quyền, Đại Thành Quyền, Võ Đương Kiếm ...

Sang đời Minh, một số Thái Cực Quyền gia nổi danh có thể kể Tống Viễn Kiêu, Du Liên Châu, Trương Tùng Khê, Trương Thúy Sơn, Ân Lợi Hanh, Mạc Thanh Cốc. Những người này kế thừa Tiên Thiên Quyền đời Đường Tống, tức Trường Quyền (tên gọi khác của Thái Cực Quyền). Ca quyết của Tiên Thiên Quyền cũng hàm chứa những tinh túy của Thái Cực Quyền:

Vô thanh vô tượng,
Toàn thân thấu không.
Ứng vật tự nhiên,
Tây sơn huyền khánh.

Hồ hồng viên minh,
Thủy thanh hà tĩnh.
Phiên giang đảo hải,
Tận tính lập mệnh.

Những người này chuyên tâm tu tập quyền thuật đạt tới trình độ cao. Về sau cả bọn cùng nhau tới Võ Đương sơn cầu kiến Trương Tam Phong, bái Trương làm thầy, học hơn một tháng về yếu lĩnh của quyền thức, sau lại học thêm mười ba thức, tức Thái Cực Quyền ngày nay. Thế nhưng họ học như thế nào, và những thức ấy ra sao không ai biết, nhưng kỳ tích chỉ có trong truyện chép về Trương Tùng Khê.

Trương Tùng Khê người gốc Triết Giang, sinh vào đời Minh, từng được Trương Tam Phong truyền thụ. Ông tính tình nghiêm cẩn như một nhà nho, gặp ai cũng rất cung kính. Có người xin học ông quyền pháp, ông từ chối nói là không có khả năng, hoặc lánh mặt không gặp. Thời đó quyền thuật Thiếu Lâm nổi danh khắp nước, nhân giặc cướp nổi lên, có bảy mươi nhà sư vâng chiếu tới trừ bọn giặc cỏ. Những nhà sư nghe danh Trương Tùng Khê nên đến Ngâm Huyện xin gặp, Trương náu mặt không ra. Khi đó có một số thanh niên đến xin ông ra gặp họ một lần, ông đành phải nhận. Những nhà sư đang đối luyện võ nghệ tại một tú lều, Trương Tùng Khê đứng xem bất giác mỉm cười. Chúng tăng hỏi ra biết là ông nên nhất định đòi thi. Trương bằng lòng nhưng đòi phải có người làm chứng ngõ hầu nếu có thương vong không ai bị phiền trách. Khi đó Trương Tùng Khê đang ngồi bên bàn rượu, một nhà sư tiến tới tấn công, giơ chân đá vào ông. Trương lách qua lấy tay đẩy nhẹ, nhà sư bay bổng qua cửa sổ rớt xuống lầu. Cả bọn sư Thiếu Lâm kinh hãi phục tài ông.

Một lần khác, Trương Tùng Khê đi chơi bên ngoài thành gặp một đám thanh niên yêu cầu ông biểu diễn võ nghệ. Trương bắt đầu dĩ, bảo bọn họ xếp chồng ba tảng đá lên nhau, cả thầy phải đến mấy trăm cân, rồi nói: *Tôi là một ông già bảy chục tuổi đầu, làm không ra trò trống gì, các cậu đừng cười nhé!* Nói xong lấy cạnh bàn tay chém xuống, cả ba hòn đá đều vỡ thành hai mảnh.

Đời Minh (1368-1644) là một thời kỳ mà võ học tương đối phát triển vì thời này lắm chiến tranh, nhiều giặc giã nên người ta học võ để phòng thân. Có hai nhân vật nổi danh thời đó là Thích Kế Quang đề xuất việc tập luyện võ nghệ cho binh sĩ, và Trương Tam Phong.

Thích Kế Quang (1528-1637) thuở trẻ thích đọc binh thư, làm tham tướng dưới thời Gia Tĩnh. Khi trấn nhậm vùng Triết Giang, Phúc Kiến, ông đã nhiều lần đánh dẹp được bọn hải khấu Nhật Bản (oải khấu) thường cướp phá dọc theo bờ biển nên được thăng lên tòng đốc Phúc Kiến. Ông rất chú trọng việc tập luyện binh lính, quân của ông được gọi là Thích Gia Quân, rất nổi tiếng thời bấy giờ. Ông cũng trước tác nhiều sách vở về huấn luyện sĩ tốt và tác chiến, quan trọng nhất là cuốn “Kỷ Hiệu Tân Thư” viết theo lối hỏi đáp. Ông viết:

Việc quan phủ thường dạy binh sĩ múa thương, múa đao, múa côn liệu có dùng được trong chiến trận chăng?

Khi ra trận, ở trong đại quân, đối phó với địch đông người, so với việc biểu diễn múa may trong võ trường khác nhau xa. Khi hàng trăm, hàng ngàn người dàn ra xung sát, kẻ dững cậm muốn tiến lên trước cũng không được, kẻ nhút nhát muốn lui về sau cũng không được. Khi đao thương đâm chém, muốn né tránh cũng đã khó, huống chi nhảy qua nhảy lại, nhảy tới nhảy lui. Dù kẻ thập phần võ nghệ, lâm chiến dùng được năm phần đã hiệu quả, nếu như dùng được tám phần thì thiên hạ vô địch rồi.

Cho nên trong tình huống đó, Thích Kế Quang đưa ra phương pháp như sau:

Trường thương là binh khí của quân lính, nên phải tập cho họ thủ pháp để cầm cho vững, luyện cho họ thân pháp, để biết cách tiến thoái. Còn những loại biểu diễn múa may gọi là hoa thương, không nên học. Học thương nên có hai người để tập đỡ gạt, nắm bắt, mỗi chiêu sao cho thật thuần thực. Ở nơi chiến trường thì phải tùy ý mà đối phó với địch.

Thích Kế Quang từ phương pháp đánh thương mà đề ra phép gọi là “trường binh (khí) đoàn dụng”. Ông cho là thương vì dài nên khó dùng, phải làm sao đâm cho trúng địch, nếu không địch dùng đoản binh khí xáp lại gần, kẻ dùng thương sẽ vướng víu không đỡ kịp. Cho nên, đoàn dụng là phải biết cách dùng tay chân, bộ pháp để một khi không đâm trúng địch thì biết tiến lui, phòng ngừa kẻ dùng binh khí ngắn không tiến đến gần được. Từ những chi tiết mà Thích Kế Quang mô tả, người ta biết rằng đời nhà Minh, võ thuật tập luyện trong dân gian và trong quân đội khác nhau xa.

Đến đời Thanh (1644-1911), việc tập Thái Cực Quyền trở nên phổ thông, và cũng nhiều môn phái. Đầu tiên phải kể đến Vương Tông Nhạc và Trần Vương Đình.

Trần Vương Đình sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người đất Ôn huyện, tỉnh Hà Nam, ông cha đời đời làm quan. Ông lập được nhiều chiến công, từng giữ chức vụ tuần phủ, án sát ở Sơn Đông, Trục Lệ (Hà Bắc), Liêu Đông kiêm chức giám quân, chống nhau với quân Thanh hơn bốn năm. Khi nhà Minh mất, ông ẩn cư, đem phối hợp các sở trường của nhiều môn phái, lấy ra hai mươi chín thức của ba mươi hai thức trong Quyền Kinh của Thích Kế Quang cải tạo thành một bài quyền riêng, truyền lại cho con cháu. Trong Trần gia phổ chép là ông sáng tạo ra ba môn quyền, đao, thương nhưng về sau chỉ truyền lại quyền pháp mà thôi.

Quyền nhà họ Trần lưu truyền tới nay có hai loại: trường quyền vốn lấy từ quyền pháp của Thích Kế Quang dài và phức tạp, và thập tam thức vốn lấy từ Thái Cực Quyền phổ của Vương Tông Nhạc. Tuy Trần gia quyền có cả thập tam thức lẫn trường quyền nhưng quyền pháp chính yếu của họ Trần vẫn là trường quyền, còn thập tam thức là do con cháu sau này học của Vương Tông Nhạc.

Do đó, phần lớn ngày nay đều công nhận rằng sáng tổ của Thái Cực Quyền là Vương Tông Nhạc, mặc dầu cũng có người nối kết sự tích từ Trương Tam Phong truyền cho Trương Tùng Khê rồi truyền cho Vương Tông Nhạc. Vương Tông Nhạc (1733-1795) sinh vào đời Càn Long, tham bác các lý luận của người xưa viết thành Thái Cực Quyền Kinh. Võ học của Vương Tông Nhạc sau truyền cho Tưởng Phát người Hà Nam sau truyền đến con cháu họ Trần là Trần Trường Hưng.

Trần Trường Hưng tính hạnh đoan chính, đi đứng cũng lấy tôn chỉ “*bất thiên bất y*” (tức đạo trung dung) nên người đời gọi ông là Bài Vị Trần (ông Trần nghiêm trang như bài vị để trên bàn thờ). Học trò ông rất đông nhưng người nổi tiếng hơn cả là Dương Lộ Thiên.

Dương Lộ Thiên tên thật Phúc Khôi (1799-1872), người tỉnh Hà Bắc, huyện Vĩnh Niên. Thuở trẻ ông học Nhị Lang quyền, nghe nói Thái Cực Quyền của Trần Trường Hưng rất hay nên đến xin học. Vì đã học quyền pháp ngoại công, nên ông không tập theo nhu được. Trần Trường Hưng vì thế dạy ông phép thôi thủ. Dương học rất chăm chỉ nên Trần Trường Hưng đẹp lòng, đem hết bí quyết của Thái Cực Quyền ra truyền dạy cho ông. Dương Lộ Thiên rất thông minh, đang học mà cũng đã có nhiều tư tưởng mới, nên ông được giới võ lâm kính nể tặng ông tám chữ “*ương nhu tương tể, thiên hạ vô song*”. Học trò và con cháu ông có những người nổi tiếng như Dương Ban Hầu (1837-1892), Dương Kiện Hầu (1839-1917), Dương Thiệu Hầu, Dương Trùng Phủ (1883-1936), Ngô Toàn Cổ, Ngô Giám Tuyên, Kỷ Đức. Trong số này thì con thứ ba của ông là Dương

Ban Hâu là người xuất sắc hơn hết. Môn đồ ông thì Ngô Toàn Cổ ngoài việc theo học ông còn nghiên cứu thêm, gia giảm để tự mình thành một môn phái. Họ Ngô vốn là một vệ sĩ trong cung vua ở Bắc Kinh, vừa học Dương Lộ Thiên (bố) lại cũng học cả Dương Ban Hâu (con). Con ông là Ngô Giám Tuyên (1870-1942) cũng cải tiến thêm và thành một chi lưu trong phái của Dương Ban Hâu tức Ngô phái.

Một đệ tử của Dương Kiến Hâu là Hứa Vũ Sinh tinh thông kinh dịch nên đã dùng triết học giải thích những ảo diệu trong Thái Cực Quyền. Cũng thời đó, cháu mười bảy đời của Tống Viễn Kiêu là Tống Thư Minh cũng là một nhà nghiên cứu Dịch học, phối hợp với Thái Cực Quyền bao gồm ba mươi bảy thức, còn gọi là trường quyền. Ngô Giám Tuyên, Kỷ Đức, Hứa Vũ Sinh lúc đó đang ở tại Bắc Kinh dạy Thái Cực Quyền cũng khá nổi tiếng, nghe tiếng Tống Thư Minh nên cùng đến gặp. Khi họ đẩy tay (thôi thủ) với họ Tống, cả ba đều bị Tống đánh ngã nên đều bái Tống Thư Minh làm thầy. Tuy nhiên Tống bắt họ phải cam kết không được truyền ra ngoài. Kỷ Đức nói:

- Tôi học nghề chính là cốt để truyền ra ngoài, nếu như giữ bí mật không truyền cho người khác thì học làm gì?

Tống Thư Minh có soạn sách Quyền Phổ và Nội Công Nguyên Đạo nhưng tiếc là không dạy cho ai nên về sau môn của ông ta bị thất truyền.

Cũng đồng thời với Dương Lộ Thiên có Võ Vũ Tương (1812-1880), người huyện Vĩnh Niên, tỉnh Hà Bắc. Ông nghe tiếng họ Dương cao minh nên đến Trần Gia Cầu tìm thầy dạy của Dương là Trần Trường Hưng xin học. Lúc đó, Trần Trường Hưng đã lớn tuổi, lắm bệnh nên Võ lại xin học Trần Thanh Bình. Học được hơn một tháng thì thông lý pháp. Anh của Võ Vũ Tương là Võ Trùng Thanh làm tri huyện Hứa Xương, nên võ đến đó ở. Ngay lúc đó, Võ Trùng Thanh lại tìm được cuốn Thái Cực Quyền Phổ của Vương Tông Nhạc ở Vũ Dương nên đưa cho Vũ Tương nghiên cứu. Vũ Tương gia tâm nghiên cứu và sáng lập nên một chi mới gọi là “tiểu giá Thái Cực Quyền” truyền đến nay tức Võ Thị Thái Cực Quyền. Võ Vũ Tương cũng viết những điều mình sở đắc thành một bản Thái Cực Quyền Luận, có cả chú giải Thập Tam Thức. Ngoài ra ông còn viết Đả Thủ Yêu Ngôn, Thân Pháp Thập Yêu.

Tuyệt kỹ của Võ Vũ Tương truyền lại cho người cháu gọi ông bằng bác (con người em gái ông) là Lý Diệc Dư (1832-1892). Lý Diệc Dư không những chú tâm quyền kỹ mà còn cố gắng nghiên cứu tinh nghĩa quyền lý. Theo người cháu là Lý Hòe Âm viết trong lời mở đầu của Thái Cực Quyền Phổ thì khi vào cuối đời Lý Diệc Dư viết cuốn này, ngày đêm trăn trở, viết rồi lại xé, viết đi viết lại nhiều lần, tốn phí không biết bao nhiêu tâm huyết.

Thái Cực Quyền ngày nay lưu truyền rộng rãi phần lớn là theo Dương Gia quyền. Tuy nhiên, về phương diện lý luận và nghiên cứu thì Võ Vũ Tương là nguyên thủy, truyền xuống Lý Diệc Dư sau đó dạy cho cha con nhà họ Hác, và cũng nhiều lần tu cải. Thành ra, Thái Cực Quyền hiện nay có hai xu hướng chính, một đàng chuyên về động tác, tư thế và một đàng chuyên nghiên cứu về quyền lý.

Học trò của Lý Diệc Dư là Hác Vi Chân (1849-1920) là người được coi như kiệt xuất về quyền lý. Con của Hác Vi Chân là Hác Nguyệt Như cũng nghiên cứu tiếp, và cháu nội ông là Hác Thiệu Như bốn mươi năm trước được đưa vào nghiên cứu và huấn luyện tại Viện Thể Dục Thượng Hải.

Cứ như thế, lai nguyên của Thái Cực Quyền chỉ mới xuất hiện khoảng cuối đời Minh, đầu đời Thanh. Nhiều người muốn gắn liền Thái Cực Quyền với Trương Tam Phong để cho môn võ này

thêm phần huyền bí. Tuy nhiên những khảo cứu gần đây cho thấy sự liên kết đó rất mơ hồ. Ngày hôm nay, Thái Cực Quyền trở thành một môn thể dục rất phổ biến, ở đâu cũng có người tập luyện. Nếu ai sáng tinh mơ vào những công viên nơi có đông người Á Châu, thế nào cũng gặp một số người chăm chú đi những động tác chậm chạp nhẹ nhàng. Tuy nhiên để đạt tới tinh nghĩa và dùng vào việc chiến đấu thì phải mất một thời gian rất lâu. Thái Cực Quyền là một triết học rất thâm ảo của Đông phương mà một biến thể của nó là Hiệp Khí Đạo đã nổi tiếng và được ngưỡng mộ khắp hoàn cầu.



Wu Jian Quan

